

Số: *1383* /QĐ-BCA

Hà Nội, ngày *28* tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng; cấp phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 7163/QĐ-BCA ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an về phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông tại Tờ trình số 977/TTr-C08-P4 ngày 28 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng; cấp phép hoạt động phương tiện giao thông

thông minh thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an (có danh mục, nội dung cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2025 và theo tiến độ triển khai của Kế hoạch 556/KH-BCA ngày 30/11/2024 của Bộ Công an.

Quyết định này bãi bỏ và thay thế: Quyết định 9093/QĐ ngày 13/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an; Quyết định 2609/QĐ-BCA-C08 ngày 20/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý phương tiện giao thông đường bộ.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ; Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Đinh*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Như Điều 3;
- Công dịch vụ công Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, C08.



Đại tướng Lương Tam Quang

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG CƠ GIỚI, XE MÁY CHUYÊN DÙNG; CẤP PHÉP HOẠT
ĐỘNG ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG THÔNG MINH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ CÔNG AN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1383/QĐ-BCA
ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN VĂN BẢN QUY PHẠM ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
I	Thủ tục: Cấp mới chứng nhận đăng ký xe, biển số xe			
A	Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất lắp ráp trong nước thực hiện tại cấp tỉnh, cấp xã	- Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	Thực hiện tại cấp tỉnh, cấp xã	
B	Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe nhập khẩu thực hiện tại cấp tỉnh, cấp xã	- Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	Thực hiện tại cấp tỉnh, cấp xã	
C	Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu thực hiện bằng dịch vụ công một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	- Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	Thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	

II	Thủ tục: Cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trong trường hợp thay đổi chủ xe (đăng ký sang tên xe)			
	Cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trong trường hợp thay đổi chủ xe (đăng ký sang tên xe) bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	- Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	Thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	
III	Thủ tục: Đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe			
	Đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	- Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	Thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	
IV	Thủ tục: Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe			
A	Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình	- Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	Thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	
B	Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công	- Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.	Thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh,	

	trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	- Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	cấp xã	
V	Thủ tục: Đăng ký xe tạm thời			
A	Đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình	- Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	Thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	
B	Đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	- Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	Thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	
VI	Thủ tục: Thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe			
A	Thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công toàn trình	- Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	Thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	
B	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số	- Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi	Thực hiện tại cấp trung	

	xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã	chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	ương, cấp tỉnh, cấp xã	
VII	Thủ tục: Cấp phép, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh			
A	Cấp phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh	- Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ.	Thực hiện tại cấp Trung ương (Cục Cảnh sát giao thông)	
B	Cấp lại Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh	- Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ.	Thực hiện tại cấp Trung ương (Cục Cảnh sát giao thông)	
C	Thu hồi Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh	- Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ.	Thực hiện tại cấp Trung ương (Cục Cảnh sát giao thông)	

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG
CƠ GIỚI, XE MÁY CHUYÊN DÙNG; CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG THÔNG MINH THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ CÔNG AN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1383/QĐ-BCA

ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an)

I. Thủ tục: Cấp mới chứng nhận đăng ký xe, biển số xe

A. Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất lắp ráp trong nước thực hiện tại cấp tỉnh, cấp xã

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ xe đăng nhập bằng tài khoản định danh mức độ 2 trên cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia và kê khai chính xác, đầy đủ, trung thực các nội dung trong mẫu giấy khai đăng ký xe điện tử và thực hiện theo hướng dẫn (chủ xe không cần ký).

Bước 2: Chủ xe thực hiện lựa chọn biển số: biển định danh (thực hiện chọn biển định danh); xác nhận biển đấu giá; hoặc bấm biển số mới (nếu chưa có biển số định danh) trên cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

Bước 3: Cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia thông báo mã dịch vụ công và biển số xe được cấp cho chủ xe; hướng dẫn nộp tiền lệ phí đăng ký xe qua tin nhắn điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử hoặc thông báo trên Ứng dụng định danh quốc gia để chủ xe nộp tiền lệ phí qua tiện ích thanh toán được tích hợp trên cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia.

Bước 4: Sau khi thanh toán thành công lệ phí đăng ký xe, cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia thông báo cho chủ xe việc hoàn thành nộp lệ phí;

Bước 5: Cán bộ đăng ký xe thực hiện tiếp nhận, kiểm tra, hiệu chỉnh dữ liệu đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình từ cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia chuyển về hệ thống đăng ký, quản lý xe; in giấy khai đăng ký xe, chứng nhận đăng ký xe; trình lãnh đạo cấp có thẩm quyền duyệt, ký hồ sơ xe, chứng nhận đăng ký xe, sổ đăng ký xe và các giấy tờ liên quan; đóng dấu hồ sơ xe. Trả chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (dán tem nhận diện vào biển số xe trùng đấu giá hoặc biển số xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường) cho chủ xe qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe;

Bước 6: Chủ xe nhận thông báo về việc trả kết quả đăng ký xe từ cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia. Nhận chứng nhận đăng ký xe, biển số xe qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe và nộp lại Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (có dán bản chà số máy, số khung có đóng dấu giáp lai của cơ sở sản xuất). Trường hợp chủ xe không nộp hoặc thông tin bản chà số máy, số khung cung cấp không đúng với thông tin đã kê khai thì chủ xe phải mang xe đến cơ quan đăng ký xe để kiểm tra và nhận kết quả đăng ký xe; Trường hợp không có bản giấy thì nộp bản in từ hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng có dán bản chà số máy, số khung xe đóng dấu giáp lai của cơ sở sản xuất xe.

Bước 7: Cán bộ đăng ký xe nhận Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng để kiểm tra, đối chiếu với dữ liệu trên hệ thống đăng ký, quản lý xe, ký xác nhận đã kiểm tra, đối chiếu lên bản chà số máy, số khung của xe để lưu vào hồ sơ đăng ký xe; quét bản chà số máy, số khung của xe và tải lên hệ thống đăng ký, quản lý xe.

- Cách thức thực hiện:

+ Chủ xe thực hiện kê khai đăng ký xe trên Cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia. Cơ quan đăng ký xe tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc.

+ Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

1. Giấy khai đăng ký xe (mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

2. Giấy tờ của chủ xe: sử dụng Ứng dụng định danh điện tử mức độ 2 để đăng nhập trên Cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

3. Giấy tờ của xe (sử dụng dữ liệu điện tử của Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng; Hóa đơn điện tử; Lệ phí trước bạ). Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (có dán bản chà số máy, số khung có đóng dấu giáp lai của cơ sở sản xuất).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ Cấp chứng nhận đăng ký xe, cấp mới biển số xe: Không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Cấp chứng nhận đăng ký xe, cấp mới biển số xe trúng đấu giá, cấp biển số định danh: Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Đối với các trường hợp phải nộp lệ phí đăng ký xe thì thời hạn giải quyết đăng ký xe được tính từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và chủ xe hoàn thành việc nộp lệ phí đăng ký xe.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam có tài khoản định danh mức độ 2 thực hiện đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất lắp ráp trong nước.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan làm thủ tục đăng ký xe cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại: Điều 4 Thông tư số 79/2024/TT-BCA; Điều 12 Thông tư số 13/2025/TT-BCA.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe.

- Lệ phí:

Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy khai đăng ký xe (mẫu ĐKX10/79 ban

hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ xe là công dân Việt Nam có tài khoản định danh mức độ 2; Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng có dán bản chà số máy, số khung có đóng dấu giáp lai của cơ sở sản xuất.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Trật tự, an toàn Giao thông đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/06/2024);

+ Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

+ Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

+ Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

+ Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

B. Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe nhập khẩu thực hiện tại cấp tỉnh, cấp xã

- **Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chủ xe đăng nhập bằng tài khoản định danh mức độ 2 trên cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia và kê khai chính xác, đầy đủ, trung thực các nội dung trong mẫu giấy khai đăng ký xe điện tử và thực hiện theo hướng dẫn (chủ xe không cần ký).

Bước 2: Chủ xe thực hiện lựa chọn biển số: biển định danh (thực hiện chọn biển định danh); xác nhận biển đấu giá; hoặc bấm biển số mới (nếu chưa có biển số định danh) trên cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

Bước 3: Cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia thông báo mã dịch vụ công và biển số xe được cấp cho chủ xe; hướng dẫn nộp tiền lệ phí đăng ký xe qua tin nhắn điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử hoặc thông báo trên Ứng dụng định danh quốc gia để chủ xe nộp tiền lệ phí qua tiện ích thanh toán được tích hợp trên cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia.

Bước 4: Sau khi thanh toán thành công lệ phí đăng ký xe, cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia thông báo cho chủ xe việc hoàn thành nộp lệ phí;

Bước 5: Cán bộ đăng ký xe thực hiện tiếp nhận, kiểm tra, hiệu chỉnh dữ liệu đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình từ cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia chuyển về hệ thống đăng ký, quản lý xe; in giấy khai đăng ký xe, chứng nhận đăng ký xe; trình lãnh đạo cấp có thẩm quyền duyệt, ký hồ sơ xe, chứng nhận đăng ký xe, sổ đăng ký xe và các giấy tờ liên quan; đóng dấu hồ sơ xe. Trả chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (dán tem nhận diện vào biển số xe trúng đấu giá hoặc

biển số xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường) cho chủ xe qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe;

Bước 6: Chủ xe nhận thông báo về việc trả kết quả đăng ký xe từ cổng dịch vụ công, Ứng dụng định danh quốc gia. Nhận chứng nhận đăng ký xe, biển số xe qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe và nộp lại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu (có dán bản chà số máy, số khung có đóng dấu giáp lai của đơn vị nhập khẩu xe). Trường hợp chủ xe không nộp hoặc thông tin bản chà số máy, số khung cung cấp không đúng với thông tin đã kê khai thì chủ xe phải mang xe đến cơ quan đăng ký xe để kiểm tra và nhận kết quả đăng ký xe; Trường hợp không có bản giấy thì nộp bản in từ hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe nhập khẩu có dán bản chà số máy, số khung xe đóng dấu giáp lai của đơn vị nhập khẩu xe.

Bước 7: Cán bộ đăng ký xe nhận Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu để kiểm tra, đối chiếu với dữ liệu trên hệ thống đăng ký, quản lý xe, ký xác nhận đã kiểm tra, đối chiếu lên bản chà số máy, số khung của xe để lưu vào hồ sơ đăng ký xe; quét bản chà số máy, số khung của xe và tải lên hệ thống đăng ký, quản lý xe.

- Cách thức thực hiện:

+ Chủ xe thực hiện kê khai đăng ký xe trên Cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia. Cơ quan đăng ký xe tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc.

+ Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

1. Giấy khai đăng ký xe (mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

2. Giấy tờ của chủ xe: sử dụng Ứng dụng định danh điện tử mức độ 2 để đăng nhập trên Cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

3. Giấy tờ của xe (sử dụng dữ liệu điện tử của Hóa đơn điện tử; Lệ phí trước bạ; Hải quan điện tử). Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu (có dán bản chà số máy, số khung có đóng dấu giáp lai của đơn vị nhập khẩu xe).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

Thời hạn giải quyết:

+ Cấp chứng nhận đăng ký xe, cấp mới biển số xe: Không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Cấp chứng nhận đăng ký xe, cấp mới biển số xe trúng đấu giá, cấp biển số định danh: Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Đối với các trường hợp phải nộp lệ phí đăng ký xe thì thời hạn giải quyết đăng ký xe được tính từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và chủ xe hoàn thành việc nộp lệ phí đăng ký xe.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công dân Việt Nam có tài khoản định danh mức độ 2 thực hiện đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe nhập khẩu.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ quan làm thủ tục đăng ký xe cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại: Điều 4 Thông tư số 79/2024/TT-BCA; Điều 12 Thông tư số 13/2025/TT-BCA.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe.

- **Phí, lệ phí:**

Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy khai đăng ký xe (mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ xe là công dân Việt Nam có tài khoản định danh mức độ 2; Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu có dán bản chà số máy, số khung có đóng dấu giáp lai của đơn vị nhập khẩu.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Trật tự, an toàn Giao thông đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/06/2024);

+ Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

+ Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

+ Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

+ Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

C. Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu thực hiện bằng dịch vụ công một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ xe đăng nhập trên cổng dịch vụ công và kê khai chính xác, đầy đủ, trung thực các nội dung quy định trong giấy khai đăng ký xe, ký số. Trường hợp không có ký số thì chủ xe in giấy khai đăng ký xe từ cổng dịch vụ công, ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu là cơ quan, tổ chức). Trường hợp không thực hiện được trên cổng dịch vụ công thì chủ xe kê khai giấy khai đăng ký xe trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe.

Bước 2: Sau khi kê khai thành công, chủ xe nhận mã hồ sơ đăng ký xe trực tuyến, lịch hẹn giải quyết hồ sơ do cổng dịch vụ công thông báo qua tin nhắn điện thoại hoặc qua địa chỉ thư điện tử để làm thủ tục đăng ký xe;

Bước 3: Chủ xe đưa xe đến cơ quan đăng ký xe để kiểm tra xe; đưa xe đến cơ quan đăng ký xe để kiểm tra, cung cấp mã hồ sơ đăng ký xe và nộp các giấy tờ quy định cho cơ quan đăng ký xe; đăng ký sử dụng dịch vụ bưu chính (nếu có nhu cầu) để nhận chứng nhận đăng ký xe, biển số xe;

Bước 3: Cán bộ đăng ký xe kiểm tra giấy tờ của chủ xe; giấy tờ của xe, đối chiếu với thông tin dữ liệu của chủ xe trên hệ thống đăng ký, quản lý xe và tiến hành kiểm tra thực tế xe theo quy định.

Bước 4: Sau khi cán bộ đăng ký xe kiểm tra hồ sơ xe, thực tế xe bảo đảm hợp lệ thì được cấp biển số theo quy định sau: Cấp biển số mới đối với trường hợp chủ xe chưa được cấp biển số định danh hoặc đã có biển số định danh nhưng đang đăng ký cho xe khác; Cấp biển số định danh đối với trường hợp chủ xe có biển số định danh đã được thu hồi từ ngày 15/8/2023.

Trường hợp hồ sơ xe, xe không bảo đảm đúng quy định thì bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn của cán bộ đăng ký xe tại phiếu hướng dẫn hồ sơ;

Bước 5: Chủ xe nhận giấy hẹn trả kết quả, nộp lệ phí đăng ký xe và nhận biển số xe (trường hợp được cấp biển số định danh mới hoặc trường hợp chủ xe đề nghị sử dụng lại biển số định danh cũ đã thu hồi, nếu cơ quan đăng ký xe chưa tiêu hủy biển số đó theo quy định).

Bước 7: Chủ xe lựa chọn việc nhận kết quả tại cơ quan đăng ký xe hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Cách thức thực hiện:

+ Chủ xe kê khai Giấy khai đăng ký xe trên Cổng Dịch vụ công hoặc kê khai trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe. Cơ quan đăng ký xe tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc.

+ Trả kết quả tại cơ quan đăng ký xe hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

1. Giấy khai đăng ký xe (mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

2. Giấy tờ của chủ xe theo quy định;

3. Giấy tờ của xe: Chứng nhận nguồn gốc xe; Chứng nhận quyền sở hữu hợp pháp; Chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ Cấp chứng nhận đăng ký xe: Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Cấp mới biển số xe: Cấp ngay sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

+ Cấp mới biển số xe trúng đấu giá, đổi biển số xe, cấp biển số xe định danh: Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

Thời hạn giải quyết đăng ký xe được tính từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và chủ xe hoàn thành việc nộp lệ phí đăng ký xe.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký cấp biển số xe lần đầu.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan làm thủ tục đăng ký xe cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại: Điều 4 Thông tư số 79/2024/TT-BCA; Điều 12 Thông tư số 13/2025/TT-BCA.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe.

- Lệ phí:

Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy khai đăng ký xe (mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Trật tự, an toàn Giao thông đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/06/2024);

+ Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

+ Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

+ Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

II. Thủ tục: Cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trong trường hợp thay đổi chủ xe (đăng ký sang tên xe)

Cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trong trường hợp thay đổi chủ xe (đăng ký sang tên xe) bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã

- Trình tự thực hiện:

Đăng ký sang tên xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe.

Khi chuyển quyền sở hữu xe, chủ xe phải làm thủ tục thu hồi tại cơ quan đăng ký xe nơi chủ xe có trụ sở, cư trú theo quy định.

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển quyền sở hữu xe làm thủ tục đăng ký sang tên xe tại cơ quan đăng ký xe theo quy định.

1. Thủ tục thu hồi

Bước 1: Chủ xe kê khai giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trên cổng dịch vụ công, cung cấp mã hồ sơ đăng ký xe trực tuyến hoặc kê khai giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe tại cơ quan đăng ký xe; nộp hồ sơ thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 79/2024/TT-BCA và nhận giấy hẹn trả kết quả chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định;

Bước 2: Sau khi kiểm tra hồ sơ xe hợp lệ, cơ quan đăng ký xe cấp 02 bản chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định có dán bản chà số máy, số khung và đóng dấu giáp lai của cơ quan đăng ký xe trên bản chà số máy, số khung xe (01 bản trả cho chủ xe, 01 bản lưu hồ sơ xe). Đối với xe tạm nhập, tái xuất của các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao cấp 03 bản chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (02 bản trả cho chủ xe để nộp cho cơ quan hải quan và cơ quan đăng ký xe, 01 bản lưu hồ sơ xe).

Trường hợp chủ xe có nhu cầu thì được cấp chứng nhận đăng ký xe tạm thời cùng với chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe, không phải có hồ sơ đăng ký xe tạm thời.

2. Thủ tục đăng ký

Bước 3: Chủ xe đăng nhập trên cổng dịch vụ công và kê khai chính xác, đầy đủ, trung thực các nội dung quy định trong mẫu giấy khai đăng ký xe, ký số. Trường hợp không có ký số thì chủ xe in giấy khai đăng ký xe từ cổng dịch vụ công, ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu là cơ quan, tổ chức); Trường hợp thực hiện đăng ký xe trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe: Chủ xe kê khai chính xác, đầy đủ, trung thực các nội dung quy định trong mẫu giấy khai đăng ký xe.

Đưa xe đến để kiểm tra và nộp hồ sơ theo quy định: Giấy khai đăng ký xe; Giấy tờ của chủ xe; Chứng từ chuyển quyền sở hữu xe; Chứng từ lệ phí trước bạ xe; Chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

Bước 4: Sau khi kiểm tra hồ sơ xe, thực tế xe đảm bảo hợp lệ thì được cơ quan đăng ký xe cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định sau:

Cấp biển số mới đối với trường hợp chủ xe chưa được cấp biển số định danh hoặc đã có biển số định danh nhưng đang đăng ký cho xe khác.

Cấp biển số định danh đối với trường hợp chủ xe có biển số định danh đã được thu hồi từ ngày 15/8/2023.

Trường hợp hồ sơ xe, xe không bảo đảm đúng quy định thì bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn của cán bộ đăng ký xe tại phiếu hướng dẫn hồ sơ;

Bước 5: Nhận giấy hẹn trả kết quả, nộp lệ phí đăng ký xe và nhận biển số xe (trường hợp được cấp lại số biển số định danh); trường hợp chủ xe có nhu cầu nhận trả kết quả đăng ký xe qua dịch vụ bưu chính thì đăng ký với đơn vị dịch vụ bưu chính;

Bước 6: Nhận chứng nhận đăng ký xe tại cơ quan đăng ký xe hoặc từ đơn vị dịch vụ bưu chính.

Trường hợp biển số xe đã được cấp là biển 3 số hoặc biển 4 số thì đổi sang biển số định danh theo quy định tại Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Cách thức thực hiện:

+ Chủ xe kê khai Giấy khai đăng ký xe trên Cổng Dịch vụ công hoặc kê khai trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe. Cơ quan đăng ký xe tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc.

+ Trả kết quả tại cơ quan đăng ký xe hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Hồ sơ thu hồi

+ Giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (theo mẫu ĐKX11/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

+ Giấy tờ của chủ xe;

+ 02 bản chà số máy, số khung của xe;

+ Bản sao chứng từ chuyển quyền sở hữu xe;

+ Chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; trường hợp mất chứng nhận đăng ký xe hoặc mất biển số xe thì phải ghi rõ lý do trong giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

Trong thời gian chờ nhận kết quả thu hồi, chủ xe được giữ lại biển số xe để sử dụng và phải nộp lại khi nhận chứng nhận thu hồi; trường hợp chủ xe không nộp lại biển số xe thì cơ quan đăng ký xe hủy kết quả và yêu cầu chủ xe làm lại thủ tục thu hồi trong trường hợp mất biển số xe theo quy định.

2. Hồ sơ đăng ký

+ Giấy khai đăng ký xe;

+ Giấy tờ của chủ xe;

+ Chứng từ chuyển quyền sở hữu xe;

+ Chứng từ lệ phí trước bạ xe;

+ Chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

- Thời hạn giải quyết:

+ Cấp chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe: Không quá 02 ngày làm việc (trường hợp cấp chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Cấp chứng nhận đăng ký xe: Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Cấp biển số định danh lần đầu: Cấp ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe hợp lệ.

+ Cấp lại biển số định danh: Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Thời gian trả kết quả đăng ký xe theo quy định được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và hệ thống đăng ký, quản lý xe đã nhận được kết quả xác thực về việc hoàn thành nộp lệ phí đăng ký xe từ cổng dịch vụ công.

+ Trường hợp mất chứng nhận đăng ký xe khi làm thủ tục thu hồi thì thời hạn xác minh là 30 ngày.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Tổ chức, cá nhân khi chuyển quyền sở hữu xe, chủ xe phải làm thủ tục thu hồi tại cơ quan đăng ký xe nơi chủ xe có trụ sở, cư trú theo quy định.

+ Tổ chức, cá nhân nhận chuyển quyền sở hữu xe làm thủ tục đăng ký sang tên xe tại cơ quan đăng ký xe theo quy định.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan làm thủ tục đăng ký xe cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại: Điều 4 Thông tư số 79/2024/TT-BCA; Điều 12 Thông tư số 13/2025/TT-BCA.

+ Cơ quan đăng ký xe nơi chủ xe có trụ sở, cư trú làm thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

+ Cơ quan đăng ký xe nơi có trụ sở, cư trú để đăng ký sang tên cho chủ xe nhận chuyển quyền sở hữu xe.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe.

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cho chủ mới.

- Lệ phí:

Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy khai thu hồi đăng ký, biển số xe (theo mẫu ĐKX11 ban hành kèm theo Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

+ Giấy khai đăng ký xe (theo mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Chủ xe phải giữ lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (không giao cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển quyền sở hữu xe) và nộp cho cơ quan đăng ký xe khi làm thủ tục thu hồi; trường hợp chuyển quyền sở hữu xe kèm theo biển số xe trùng đầu giá thì chủ xe nộp chứng nhận đăng ký xe cho cơ quan đăng ký xe khi làm thủ tục thu hồi;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày làm giấy tờ chuyển quyền sở hữu xe, chủ xe đứng tên trong chứng nhận đăng ký xe phải làm thủ tục thu hồi; trường hợp quá thời hạn trên mà chủ xe không làm thủ tục thu hồi hoặc giao chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển quyền sở hữu xe làm thủ tục thu hồi thì trước khi giải quyết người có thẩm quyền thực hiện thủ tục xử phạt vi phạm hành chính theo quy định; trường hợp chủ xe không đến làm thủ tục thu hồi thì người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với chủ xe và tiến hành xử phạt theo quy định của pháp luật, tổ chức, cá nhân nhận chuyển quyền sở hữu được ký vào biên bản vi phạm hành chính với tư cách là người chứng kiến và ký vào các giấy tờ có liên quan đến thủ tục thu hồi;

+ Sau khi cơ quan đăng ký xe làm thủ tục thu hồi, tổ chức, cá nhân nhận chuyển quyền sở hữu làm thủ tục cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định.

+ Tổ chức, cá nhân đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe tiếp tục chịu trách nhiệm của chủ xe khi chưa thực hiện thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe đối với trường hợp phải thu hồi theo quy định.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Trật tự, an toàn Giao thông đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/06/2024);

+ Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

+ Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

+ Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

+ Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

III. Thủ tục: Đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe

Đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã.

- Trình tự thực hiện:

Thực hiện đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bằng dịch vụ công trực tuyến một phần trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe.

Bước 1: Chủ xe đăng nhập trên cổng dịch vụ công và kê khai chính xác, đầy đủ, trung thực các nội dung quy định trong mẫu giấy khai đăng ký xe, ký số. Trường hợp không có ký số thì chủ xe in giấy khai đăng ký xe từ cổng dịch vụ công, ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu là cơ quan, tổ chức).

Sau khi kê khai thành công, chủ xe nhận mã hồ sơ đăng ký xe trực tuyến, lịch hẹn giải quyết hồ sơ do cổng dịch vụ công thông báo qua tin nhắn điện thoại hoặc qua địa chỉ thư điện tử để làm thủ tục đăng ký xe; cung cấp mã hồ sơ đăng ký xe cho cơ quan đăng ký xe để làm thủ tục đăng ký xe theo quy định; trường hợp không thực hiện được trên cổng dịch vụ công thì chủ xe kê khai giấy khai đăng ký xe trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe.

Bước 2: Nộp hồ sơ đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định và nộp lệ phí theo quy định. Trường hợp xe cải tạo, thay đổi màu sơn, chủ xe phải mang xe đến để kiểm tra.

Bước 3: Sau khi kiểm tra hồ sơ xe đảm bảo hợp lệ, cơ quan đăng ký xe thực hiện đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định;

Trường hợp đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe giữ nguyên biển số định danh; đối với xe đã đăng ký biển 3 số hoặc biển 4 số thì cấp sang biển số định danh theo quy định (thu lại chứng nhận đăng ký xe, biển 3 số hoặc biển 4 số đó);

Trường hợp đổi biển số xe từ nền màu trắng, chữ và số màu đen sang biển số xe nền màu vàng, chữ và số màu đen hoặc từ nền màu vàng, chữ và số màu đen sang biển số xe nền màu trắng, chữ và số màu đen thì cấp biển số định danh mới (trường hợp chưa có biển số xe định danh) hoặc cấp lại biển số định danh (trường hợp đã có biển số xe định danh).

Đối với trường hợp đổi chứng nhận đăng ký xe khi chủ xe thay đổi trụ sở, nơi cư trú đến địa chỉ mới ngoài phạm vi của cơ quan đăng ký xe đã cấp chứng nhận đăng ký xe đó:

a) Chủ xe nộp chứng nhận đăng ký xe và đơn đề nghị xác nhận hồ sơ xe theo mẫu cho cơ quan đăng ký xe quản lý hồ sơ xe đó để được cấp giấy xác nhận hồ sơ xe;

b) Chủ xe kê khai giấy khai đăng ký xe và nộp giấy xác nhận hồ sơ xe cho cơ quan đăng ký xe tại địa chỉ mới theo quy định để đổi chứng nhận đăng ký xe.

Bước 4: Chủ xe nhận kết quả đăng ký xe tại cơ quan đăng ký xe hoặc từ dịch vụ bưu chính;

- Cách thức thực hiện:

- + Kê khai Giấy khai đăng ký xe trên Cổng Dịch vụ công hoặc kê khai trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe. Cơ quan đăng ký xe tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc.
- + Trả kết quả tại cơ quan đăng ký xe hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- + Thành phần hồ sơ:

1. Giấy khai đăng ký xe (theo mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).
2. Giấy tờ của chủ xe theo quy định.

3. Chứng nhận đăng ký xe (trường hợp đổi chứng nhận đăng ký xe) hoặc biển số xe (trường hợp đổi biển số xe).

4. Một số giấy tờ khác:

a) Xe cải tạo thay đổi tổng thành máy, tổng thành khung thì phải có thêm chứng nhận nguồn gốc, chứng từ nộp lệ phí trước bạ, chứng từ chuyển quyền sở hữu của tổng thành máy hoặc tổng thành khung đó theo quy định. Trường hợp tổng thành máy, tổng thành khung không cùng kiểu loại thì phải có thêm giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo theo quy định;

b) Xe cải tạo thay đổi tổng thành máy của xe đã đăng ký thì phải có chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số của xe có tổng thành đó;

c) Xe cải tạo thay đổi kiểu loại xe thì phải có thêm giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo theo quy định;

d) Trường hợp đổi biển số xe nền màu vàng, chữ và số màu đen sang biển số xe nền màu trắng, chữ và số màu đen, phải có thêm văn bản thu hồi giấy phép kinh doanh vận tải hoặc văn bản thu hồi phù hiệu, biển hiệu;

đ) Đối với trường hợp chủ xe có như cầu đổi chứng nhận đăng ký xe khi thay đổi trụ sở, nơi cư trú đến địa chỉ mới ngoài phạm vi đăng ký của cơ quan đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe, phải có thêm giấy xác nhận hồ sơ xe (theo mẫu ĐKX14/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an);

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ Cấp đổi chứng nhận đăng ký xe: Không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Cấp đổi biển số xe: Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Thời gian trả kết quả đăng ký xe theo quy định được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và hệ thống đăng ký, quản lý xe đã nhận được kết quả xác thực về việc hoàn thành nộp lệ phí đăng ký xe từ cổng dịch vụ công.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân thực hiện đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan làm thủ tục đăng ký xe cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại: Điều 4 Thông tư số 79/2024/TT-BCA; Điều 12 Thông tư số 13/2025/TT-BCA.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

- Lệ phí:

Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy khai đăng ký xe (theo mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bị mờ, hỏng; Xe cải tạo; xe thay đổi màu sơn; Xe đã đăng ký, cấp biển số xe nền màu trắng, chữ và số màu đen đổi sang biển số xe nền màu vàng, chữ và số màu đen (xe hoạt động kinh doanh vận tải bằng ô tô) và ngược lại; Thay đổi các thông tin của chủ xe (tên chủ xe, số định danh) hoặc chủ xe có nhu cầu đổi chứng nhận đăng ký xe theo địa chỉ mới; Chứng nhận đăng ký xe hết thời hạn sử dụng; Đổi chứng nhận đăng ký xe cũ, biển số xe cũ sang chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định tại Thông tư 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an; chủ xe có nhu cầu đổi biển ngắn sang biển dài hoặc ngược lại.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Trật tự, an toàn Giao thông đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/06/2024);

+ Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

+ Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

+ Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

IV. Thủ tục: Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe

A. Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ xe sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 để đăng nhập vào cổng dịch vụ công và kê khai chính xác, đầy đủ, trung thực các nội dung quy định trong mẫu giấy khai đăng ký xe điện tử. Nộp bản chà số máy, số khung của xe qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan đăng ký xe;

Bước 2: Sau khi kê khai thành công, chủ xe nhận mã hồ sơ dịch vụ công, lịch hẹn giải quyết hồ sơ do cổng dịch vụ công thông báo qua tin nhắn điện thoại hoặc qua địa chỉ thư điện tử;

Bước 3: Sau khi kiểm tra hồ sơ xe đảm bảo hợp lệ, cơ quan đăng ký xe gửi thông báo cho chủ xe để nộp lệ phí đăng ký xe qua tiện ích thanh toán được tích

hợp trên công dịch vụ công, phí dịch vụ bưu chính trên công dịch vụ công để trả kết quả đăng ký xe theo quy định;

Bước 4: Chủ xe nhận chứng nhận đăng ký xe hoặc biển số xe theo quy định từ dịch vụ bưu chính.

- Cách thức thực hiện:

+ Chủ xe thực hiện kê khai đăng ký xe trên Cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia. Cơ quan đăng ký xe tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc.

+ Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

1. Giấy khai đăng ký xe (mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

2. Giấy tờ của chủ xe (sử dụng tài khoản định danh mức độ 2);

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ Cấp lại chứng nhận đăng ký xe: Phải tiến hành xác minh trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; sau khi xác minh, nếu đủ điều kiện thì cấp lại trong thời hạn 02 ngày làm việc.

+ Cấp lại biển số xe: Phải tiến hành xác minh trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; sau khi xác minh, nếu đủ điều kiện thì cấp lại trong thời hạn 02 ngày làm việc.

+ Thời gian trả kết quả đăng ký xe theo quy định được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và hệ thống đăng ký, quản lý xe đã nhận được kết quả xác thực về việc hoàn thành nộp lệ phí đăng ký xe từ cổng dịch vụ công.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ xe thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với trường hợp cấp lại chứng nhận đăng ký xe, cấp lại biển số xe.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan làm thủ tục đăng ký xe cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại: Điều 4 Thông tư số 79/2024/TT-BCA; Điều 12 Thông tư số 13/2025/TT-BCA.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký xe (trường hợp cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe); biển số xe (trường hợp cấp lại biển số xe).

- Lệ phí:

Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy khai đăng ký xe (mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ xe thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với trường hợp cấp lại chứng nhận đăng ký xe, cấp lại biển số xe (trừ trường hợp xe đã đăng ký biển 3 số hoặc biển 4 số).

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Trật tự, an toàn Giao thông đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/06/2024);

+ Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

+ Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

+ Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

+ Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

B. Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã

- **Trình tự thực hiện:**

Bước 1. Chủ xe kê khai giấy khai đăng ký xe theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 79/2024/TT-BCA, nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Thông tư số 79/2024/TT-BCA và nộp lệ phí theo quy định;

Bước 2. Sau khi kiểm tra hồ sơ xe đảm bảo hợp lệ, cơ quan đăng ký xe thực hiện cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định; chủ xe nhận kết quả đăng ký xe tại cơ quan đăng ký xe hoặc từ dịch vụ bưu chính.

Trường hợp cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe giữ nguyên biển số định danh; đối với xe đã đăng ký biển 3 số hoặc biển 4 số thì cấp sang biển số định danh theo quy định (thu lại chứng nhận đăng ký xe, biển 3 số hoặc biển 4 số đó).

- **Cách thức thực hiện:**

+ Kê khai Giấy khai đăng ký xe trên Cổng Dịch vụ công hoặc kê khai trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe. Cơ quan đăng ký xe tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc.

+ Trả kết quả tại cơ quan đăng ký xe hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Giấy khai đăng ký xe (theo mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an);

b) Giấy tờ của chủ xe.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ Cấp lại chứng nhận đăng ký xe: Không quá 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp mất chứng nhận đăng ký xe thì thời hạn xác minh khi giải quyết thủ tục cấp lại chứng nhận đăng ký xe là 30 ngày; thời hạn xác minh không tính vào thời hạn giải quyết cấp lại chứng nhận đăng ký xe.

+ Cấp lại biển số xe: Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp mất biển số xe thì thời hạn xác minh khi giải quyết thủ tục cấp lại biển số xe là 30 ngày; thời hạn xác minh không tính vào thời hạn giải quyết cấp lại chứng nhận đăng ký xe.

+ Thời gian trả kết quả đăng ký xe theo quy định được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và hệ thống đăng ký, quản lý xe đã nhận được kết quả xác thực về việc hoàn thành nộp lệ phí đăng ký xe từ cổng dịch vụ công.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân thực hiện cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan làm thủ tục đăng ký xe cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại: Điều 4 Thông tư số 79/2024/TT-BCA; Điều 12 Thông tư số 13/2025/TT-BCA.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký xe (trường hợp cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe); biển số xe (trường hợp cấp lại biển số xe).

- Lệ phí:

Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy khai đăng ký xe (mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chủ xe thực hiện cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Trật tự, an toàn Giao thông đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/06/2024);

+ Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

+ Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

+ Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

V. Thủ tục: Đăng ký xe tạm thời

A. Đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ xe đăng nhập bằng tài khoản định danh mức độ 2 trên cổng dịch vụ công và kê khai chính xác, đầy đủ, trung thực các nội dung quy định trong mẫu giấy khai đăng ký xe điện tử.

Bước 2: Sau khi kê khai thành công, chủ xe nhận mã hồ sơ đăng ký xe trực tuyến do cổng dịch vụ công thông báo qua tin nhắn điện thoại hoặc qua địa chỉ thư điện tử;

Bước 3: Sau khi kiểm tra hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký xe gửi dữ liệu cho cổng dịch vụ công để thông báo cho chủ xe nộp lệ phí theo quy định;

Bước 4: Chủ xe nhận kết quả xác thực và in chứng nhận đăng ký xe tạm thời trên cổng dịch vụ công.

- Cách thức thực hiện:

+ Chủ xe thực hiện kê khai đăng ký xe trên cổng dịch vụ công. Cơ quan đăng ký xe tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc.

+ Nhận kết quả xác thực và in chứng nhận đăng ký xe tạm thời trên cổng dịch vụ công.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

1. Giấy khai đăng ký xe (mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

2. Giấy tờ của chủ xe (sử dụng tài khoản định danh mức độ 2);

3. Chứng nhận nguồn gốc xe: Dữ liệu điện tử phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc dữ liệu điện tử chứng nhận an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường xe nhập khẩu;

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ Cấp chứng nhận đăng ký xe tạm thời: Trong thời hạn 08 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ trên cổng dịch vụ công.

+ Thời gian trả kết quả đăng ký xe theo quy định được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và hệ thống đăng ký, quản lý xe đã nhận được kết quả xác thực về việc hoàn thành nộp lệ phí đăng ký xe từ cổng dịch vụ công.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ xe thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với trường hợp đăng ký xe tạm thời.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ quan làm thủ tục đăng ký xe cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại: Điều 4 Thông tư số 79/2024/TT-BCA; Điều 12 Thông tư số 13/2025/TT-BCA.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy nhận đăng ký xe tạm thời và biển số xe tạm thời bản điện tử (Mẫu ĐKX04 ban hành kèm theo Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- **Lệ phí:**

Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy khai đăng ký xe (mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Chủ xe thực hiện đăng ký xe tạm thời bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với trường hợp xe cơ giới, xe máy chuyên dùng để di chuyển từ nhà máy đến kho, cảng hoặc từ kho, cảng, nhà máy, đại lý bán xe đến nơi đăng ký xe hoặc về các đại lý, kho lưu trữ khác (đã có dữ liệu điện tử phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc dữ liệu điện tử chứng nhận an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường xe nhập khẩu trên cổng dịch vụ công).

Xe đăng ký tạm thời được phép tham gia giao thông theo thời hạn, tuyến đường và phạm vi hoạt động ghi trong chứng nhận đăng ký xe tạm thời.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Trật tự, an toàn Giao thông đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/06/2024);

+ Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

+ Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

+ Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

B. Đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã.

- Trình tự thực hiện:

Thực hiện đăng ký xe tạm thời bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc làm thủ tục trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe.

Bước 1: Chủ xe đăng nhập trên cổng dịch vụ công và kê khai chính xác, đầy đủ, trung thực các nội dung quy định trong giấy khai đăng ký xe, ký số. Trường hợp không có ký số thì chủ xe in giấy khai đăng ký xe từ cổng dịch vụ công, ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu là cơ quan, tổ chức).

Trường hợp thực hiện đăng ký xe trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe: Chủ xe kê khai chính xác, đầy đủ, trung thực các nội dung quy định trong mẫu giấy khai đăng ký xe.

Bước 2: Sau khi tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký xe thu lệ phí và cấp chứng nhận đăng ký xe tạm thời, biển số xe tạm thời cho chủ xe theo quy định.

- Cách thức thực hiện:

+ Kê khai Giấy khai đăng ký xe trên Cổng Dịch vụ công hoặc kê khai trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe. Cơ quan đăng ký xe tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc.

+ Trả kết quả tại cơ quan đăng ký xe hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

a) Giấy khai đăng ký xe (theo mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

b) Giấy tờ của chủ xe.

c) Chứng nhận nguồn gốc xe, gồm một trong các giấy tờ sau:

- Bản phô tô giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường xe nhập khẩu đối với trường hợp không có dữ liệu điện tử (trường hợp xe di chuyển từ nhà máy đến kho, cảng hoặc từ kho, cảng, nhà máy, đại lý bán xe đến nơi đăng ký xe hoặc về các đại lý, kho lưu trữ khác theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ);

- Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe thuộc đối tượng nghiên cứu phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ theo quy định (trường hợp xe chạy thử nghiệm thuộc đối tượng nghiên cứu phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ).

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép tham gia giao thông, kèm theo danh sách xe và bản phô tô chứng nhận đăng ký xe của nước sở tại (trường hợp xe đăng ký ở nước ngoài được cơ quan thẩm quyền cho phép bao gồm cả xe có

tay lái bên phải (tay lái nghịch) vào Việt Nam quá cảnh, tạm nhập, tái xuất có thời hạn để tham dự hội nghị, hội chợ, triển lãm, thể dục, thể thao, du lịch theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ);

- Văn bản đề nghị đăng ký xe tạm thời, kèm theo bản phô tô chứng nhận đăng ký xe, danh sách xe (trường hợp xe phục vụ các sự kiện do Đảng, Nhà nước tổ chức theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ);

d) Trường hợp chủ xe làm thủ tục thu hồi để tái xuất về nước hoặc chuyển quyền sở hữu xe, có nhu cầu thì được cấp đăng ký xe tạm thời cùng với thủ tục thu hồi, không phải có hồ sơ đăng ký xe tạm thời (trường hợp xe làm thủ tục thu hồi để tái xuất theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ);

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ Cấp chứng nhận đăng ký xe tạm thời: Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc làm thủ tục trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Thời gian trả kết quả đăng ký xe theo quy định được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và hệ thống đăng ký, quản lý xe đã nhận được kết quả xác thực về việc hoàn thành nộp lệ phí đăng ký xe từ cổng dịch vụ công.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được cấp biển số xe và đăng ký tạm thời trong các trường hợp sau đây:

+ Đã có chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng để di chuyển từ nhà máy đến kho, cảng hoặc từ kho, cảng, nhà máy, đại lý bán xe đến nơi đăng ký xe hoặc về các đại lý, kho lưu trữ khác;

+ Xe làm thủ tục thu hồi để tái xuất hoặc chuyển quyền sở hữu; xe phục vụ các sự kiện do Đảng, Nhà nước tổ chức; xe đăng ký ở nước ngoài được cơ quan thẩm quyền cho phép bao gồm cả xe có tay lái bên phải (tay lái nghịch) vào Việt Nam quá cảnh, tạm nhập, tái xuất có thời hạn để tham dự hội nghị, hội chợ, triển lãm, thể dục, thể thao, du lịch; trừ trường hợp xe không phải cấp biển số xe tạm thời theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và trường hợp quy định tại Điều 55 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

+ Xe chạy thử nghiệm thuộc đối tượng nghiên cứu phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ đáp ứng quy định tại điểm h khoản 5 Điều 42 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan làm thủ tục đăng ký xe cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại: Điều 4 Thông tư số 79/2024/TT-BCA; Điều 12 Thông tư số 13/2025/TT-BCA.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy nhận đăng ký xe tạm thời và biển số xe tạm thời (Mẫu ĐKX05/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- **Lệ phí:**

Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy khai đăng ký xe (mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Trường hợp xe làm thủ tục thu hồi để tái xuất hoặc chuyển quyền sở hữu và xe đã có chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng để di chuyển từ nhà máy đến kho, cảng hoặc từ kho, cảng, nhà máy, đại lý bán xe đến nơi đăng ký xe hoặc về các đại lý, kho lưu trữ khác: Chứng nhận đăng ký xe tạm thời có giá trị sử dụng 15 ngày; được gia hạn một lần tối đa không quá 15 ngày.

+ Trường hợp xe phục vụ các sự kiện do Đảng, Nhà nước tổ chức; xe đăng ký ở nước ngoài được cơ quan thẩm quyền cho phép bao gồm cả xe có tay lái bên phải (tay lái nghịch) vào Việt Nam quá cảnh, tạm nhập, tái xuất có thời hạn để tham dự hội nghị, hội chợ, triển lãm, thể dục, thể thao, du lịch: Chứng nhận đăng ký xe tạm thời được ghi theo thời hạn mà cơ quan thẩm quyền cho phép để phục vụ các hoạt động đó.

+ Trường hợp xe chạy thử nghiệm thuộc đối tượng nghiên cứu phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ: Chứng nhận đăng ký xe tạm thời được ghi theo thời hạn đề nghị của cơ quan, tổ chức có xe chạy thử nghiệm, nhưng không quá 6 tháng, trường hợp cần thiết được gia hạn mỗi lần không quá 6 tháng.

+ Khi thực hiện gia hạn, chủ xe kê khai giấy khai đăng ký xe tạm thời trên cổng dịch vụ công hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe.

+ Xe đăng ký tạm thời được phép tham gia giao thông theo thời hạn, tuyến đường và phạm vi hoạt động ghi trong chứng nhận đăng ký xe tạm thời.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Trật tự, an toàn Giao thông đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/06/2024);

+ Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

+ Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

+ Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 06/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí.

VI. Thủ tục: Thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe

A. Thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công toàn trình

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ xe đăng nhập bằng tài khoản định danh mức độ 2 và kê khai giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe điện tử trên cổng dịch vụ công và nộp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cho cơ quan đăng ký xe thông qua dịch vụ bưu chính; trường hợp mất chứng nhận đăng ký xe hoặc mất biển số xe thì phải ghi rõ lý do trong giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

Bước 2: Sau khi tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ bảo đảm hợp lệ, cơ quan đăng ký xe cấp chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe, ký số và trả kết quả cho chủ xe trên cổng dịch vụ công.

- Cách thức thực hiện:

+ Chủ xe thực hiện kê khai đăng ký xe trên Cổng dịch vụ công hoặc Ứng dụng định danh quốc gia. Cơ quan đăng ký xe tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc.

+ Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

1. Giấy khai thu hồi đăng ký, biển số xe (Mẫu ĐKX11 ban hành kèm theo Thông tư 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

2. Giấy tờ của chủ xe (sử dụng tài khoản định danh mức độ 2);

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ Không quá 8 giờ làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Trong trường hợp bị mất chứng nhận đăng ký xe, biển số xe: Phải tiến hành xác minh trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; sau khi xác minh, nếu đủ điều kiện thì cấp chứng nhận thu hồi đăng ký xe, biển số xe trong thời hạn 02 ngày làm việc;

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ xe thực hiện thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe đối với xe cơ giới hết niên hạn sử dụng, hư hỏng không sử dụng được; xe bị thải bỏ, bị mất không tìm được và chủ xe đề nghị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ quan làm thủ tục đăng ký xe cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại: Điều 4 Thông tư số 79/2024/TT-BCA; Điều 12 Thông tư số 13/2025/TT-BCA.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (Mẫu ĐKX07/79 ban hành kèm theo Thông tư 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- **Lệ phí:** Không thu lệ phí.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (mẫu ĐKX11 ban hành kèm theo Thông tư 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày xe hết niên hạn sử dụng, xe hư hỏng không sử dụng được, xe bị thải bỏ, chủ xe phải khai báo trên cổng dịch vụ công hoặc kê khai trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe và nộp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cho cơ quan đăng ký xe hoặc Công an cấp xã (không phụ thuộc trụ sở, nơi cư trú của chủ xe) để làm thủ tục thu hồi.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Trật tự, an toàn Giao thông đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/06/2024);

+ Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

+ Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

B. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã.

- **Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chủ xe kê khai giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trên cổng dịch vụ công hoặc kê khai trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe, nộp hồ sơ thu hồi theo quy định và nhận giấy hẹn trả kết quả theo quy định;

Bước 2: Sau khi tiếp nhận hồ sơ kê khai thu hồi, cổng dịch vụ công sinh mã hồ sơ dịch vụ công và gửi thông báo cho chủ xe qua tin nhắn hoặc thư điện tử.

Bước 3: Cổng dịch vụ công gửi dữ liệu về Hệ thống đăng ký, quản lý xe. Sau khi tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ bảo đảm hợp lệ, cơ quan đăng ký xe cấp 02 bản chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định (01 bản trả cho chủ xe; 01 bản lưu hồ sơ xe). Đối với xe tạm nhập, tái xuất của các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao cấp 03 bản chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (02 bản trả cho chủ xe để nộp cho cơ quan hải quan và cơ quan đăng ký xe, 01 bản lưu hồ sơ xe).

Trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ thì chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe có dán bản chà số máy, số khung và đóng dấu giáp lai của cơ quan đăng ký xe trên bản chà số máy, số khung xe.

- Cách thức thực hiện:

+ Khai Giấy khai đăng ký xe trên Công Dịch vụ công hoặc kê khai trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe. Cơ quan đăng ký xe tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc.

+ Trả kết quả tại cơ quan đăng ký xe hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

a) Giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (Mẫu ĐKX11 ban hành kèm theo Thông tư 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

b) Giấy tờ của chủ xe theo quy định;

c) 02 bản chà số máy, số khung xe;

d) Chứng nhận đăng ký xe;

đ) Biển số xe;

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc làm thủ tục trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe: Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

+ Cấp chứng nhận thu hồi đăng ký xe, biển số xe, trong trường hợp bị mất chứng nhận đăng ký xe, biển số xe: Phải tiến hành xác minh trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; sau khi xác minh, nếu đủ điều kiện thì cấp chứng nhận thu hồi đăng ký xe, biển số xe trong thời hạn 02 ngày làm việc;

+ Cấp bản sao chứng nhận thu hồi đăng ký xe, biển số xe: Phải tiến hành xác minh trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; sau khi xác minh, nếu đủ điều kiện thì cấp bản sao chứng nhận thu hồi đăng ký xe, biển số xe trong thời hạn 02 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Trường hợp chuyển quyền sở hữu xe; chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, để thừa kế xe gắn với biển số xe trúng đấu giá thì chỉ thu hồi chứng nhận đăng ký xe; xe nhập khẩu được miễn thuế hoặc xe tạm nhập của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài mà tái xuất, chuyển quyền sở hữu hoặc tiêu hủy; xe hết thời hạn đăng ký tại các khu kinh tế - thương mại đặc biệt, khu kinh tế cửa khẩu quốc tế; xe tháo máy để đăng ký sử dụng cho xe khác theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ: Hồ sơ thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 79/2024/TT-BCA;

Trường hợp xe của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam hoặc cá nhân người nước ngoài là thành viên của các cơ quan, tổ chức đó thì phải có thêm Giấy giới thiệu của Cục Lễ tân Nhà nước (đối với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế) hoặc Sở Ngoại vụ (đối với cơ quan lãnh sự).

+ Trường hợp cấp chứng nhận đăng ký xe, cấp biển số xe không đúng quy định của pháp luật, xe đã đăng ký nhưng phát hiện hồ sơ xe bị làm giả hoặc có kết

luận của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi trái phép số khung, số máy theo quy định tại điểm c, điểm e khoản 5 Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ: Quyết định thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe của cơ quan đăng ký xe (không phải có hồ sơ thu hồi).

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ quan làm thủ tục đăng ký xe cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại: Điều 4 Thông tư số 79/2024/TT-BCA; Điều 12 Thông tư số 13/2025/TT-BCA.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (Mẫu ĐKX07/79 ban hành kèm theo Thông tư 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- **Lệ phí:** Không thu lệ phí.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (mẫu ĐKX11 ban hành kèm theo Thông tư 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Thực hiện thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe đối với xe cơ giới hết niên hạn sử dụng, hư hỏng không sử dụng được; xe bị thải bỏ, bị mất không tìm được và đề nghị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo yêu cầu.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Trật tự, an toàn Giao thông đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/06/2024);

+ Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

+ Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

VII. Thủ tục: Cấp phép, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh

A. Cấp phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh

- **Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu phương tiện chuẩn bị 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 25, Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ và nộp cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động thông qua một trong các hình thức sau: nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính; nộp trực tiếp;

Bước 2: Cơ quan cấp phép hoạt động có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tra cứu dữ liệu đăng ký xe trên hệ thống đăng ký, quản lý xe và đối chiếu với thông tin trong đơn đề nghị của chủ sở hữu; trường hợp hồ sơ hợp lệ thì

cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu số 03b Phụ lục III kèm theo Nghị định 151/2024/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

- Cách thức thực hiện:

- + Kê khai Giấy khai cấp phép trên Cổng Dịch vụ công hoặc kê khai trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe. Cơ quan đăng ký xe tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc.
- + Trả kết quả tại cơ quan đăng ký xe hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- + Thành phần hồ sơ:
 - a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu số 03a Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 151/2024/NĐ-CP;
 - b) Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.
 - c) Giấy tờ của chủ xe theo quy định;
- + Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết:

- + Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tra cứu dữ liệu đăng ký xe trên hệ thống đăng ký, quản lý xe và đối chiếu với thông tin trong đơn đề nghị của chủ sở hữu; Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu số 03b Phụ lục III kèm theo Nghị định 151/2024/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến cấp phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Cảnh sát giao thông, Bộ Công an cấp giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh, trừ phương tiện giao thông thông minh phục vụ mục đích quốc phòng do Cục Xe - Máy, Bộ Quốc phòng cấp giấy phép hoạt động.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh (Mẫu số 03b Phụ Lục III ban hành kèm theo Nghị định 151/2024/NĐ-CP);

- Lệ phí: Không thu lệ phí.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu số 03a Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 151/2024/NĐ-CP;

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Phương tiện giao thông thông minh là xe cơ giới cho phép tự động hóa một phần hoặc toàn bộ hoạt động điều khiển phương tiện, xác định lộ trình và xử lý tình huống khi tham gia giao thông đường bộ.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Trật tự, an toàn Giao thông đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/06/2024);

+ Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

B. Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật có đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép hoạt động theo Mẫu số 03 a Phụ lục III kèm theo Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ gửi cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép trước đó khi đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh thông qua một trong các hình thức sau: nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công; qua dịch vụ bưu chính; nộp trực tiếp;

Bước 2: Sau khi tiếp nhận hồ sơ kê khai đổi, cấp lại Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh, trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan có thẩm quyền xem xét đổi, cấp lại giấy phép hoạt động; trường hợp không đủ điều kiện đổi, cấp lại thì có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Kê khai Giấy khai cấp phép trên Cổng Dịch vụ công hoặc kê khai trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe. Cơ quan đăng ký xe tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc.

+ Trả kết quả tại cơ quan đăng ký xe hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu số 03a Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 151/2024/NĐ-CP;

b) Giấy tờ của chủ xe theo quy định;

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết:

Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan có thẩm quyền xem xét đổi, cấp lại giấy phép hoạt động; trường hợp không đủ điều kiện đổi, cấp lại thì có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến cấp phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Cảnh sát giao thông, Bộ Công an cấp giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh, trừ phương tiện giao thông thông minh phục vụ mục đích quốc phòng do Cục Xe - Máy, Bộ Quốc phòng cấp giấy phép hoạt động.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh (Mẫu số 03b Phụ Lục III ban hành kèm theo Nghị định 151/2024/NĐ-CP);

- **Lệ phí:** Không thu lệ phí.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu số 03a Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 151/2024/NĐ-CP;

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Cấp lại Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh bị hư hỏng, bị mất

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Trật tự, an toàn Giao thông đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/06/2024);

+ Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

C. Thu hồi Giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh

- **Trình tự thực hiện:**

Chủ sở hữu phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật có trách nhiệm giao nộp giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh thuộc trường hợp bị thu hồi theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp trước đó để thu hồi.

Phương tiện giao thông thông minh bị thu hồi giấy phép hoạt động thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Hết niên hạn sử dụng hoặc không được phép lưu hành;

b) Hỏng không sử dụng được;

c) Bị thải bỏ, bị mất không tìm được;

d) Đã cấp giấy phép hoạt động nhưng phát hiện hồ sơ bị làm giả để được cấp giấy phép; giấy phép cấp không đúng thẩm quyền.

- **Cách thức thực hiện:**

Chủ xe nộp lại Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh cho cơ quan có thẩm quyền.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh.

- **Thời hạn giải quyết:**

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ sở hữu phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật có trách nhiệm giao nộp giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh thuộc trường hợp bị thu hồi theo quy định

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cục Cảnh sát giao thông, Bộ Công an cấp giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh, trừ

phương tiện giao thông thông minh phục vụ mục đích quốc phòng do Cục Xe - Máy, Bộ Quốc phòng cấp giấy phép hoạt động.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thu hồi Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh (Mẫu số 03b Phụ Lục III ban hành kèm theo Nghị định 151/2024/NĐ-CP);

- **Lệ phí:** Không thu lệ phí.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Phương tiện giao thông thông minh bị thu hồi giấy phép hoạt động thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Hết niên hạn sử dụng hoặc không được phép lưu hành;

b) Hỏng không sử dụng được;

c) Bị thải bỏ, bị mất không tìm được;

d) Đã cấp giấy phép hoạt động nhưng phát hiện hồ sơ bị làm giả để được cấp giấy phép; giấy phép cấp không đúng thẩm quyền.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Trật tự, an toàn Giao thông đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/06/2024);

+ Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ.